

Tản mạn về phong tục Tết cổ truyền

Qua một số vần thơ của giới Nho Sĩ

GS.TS. KIỀU THU HOẠCH

Đối với các Nho sĩ nói chung, dẫu không là thi sĩ thì mỗi khi tết đến xuân về, thế nào cũng phải có một vài câu "khai bút" vào sớm mông Một Tết, kiểu như:

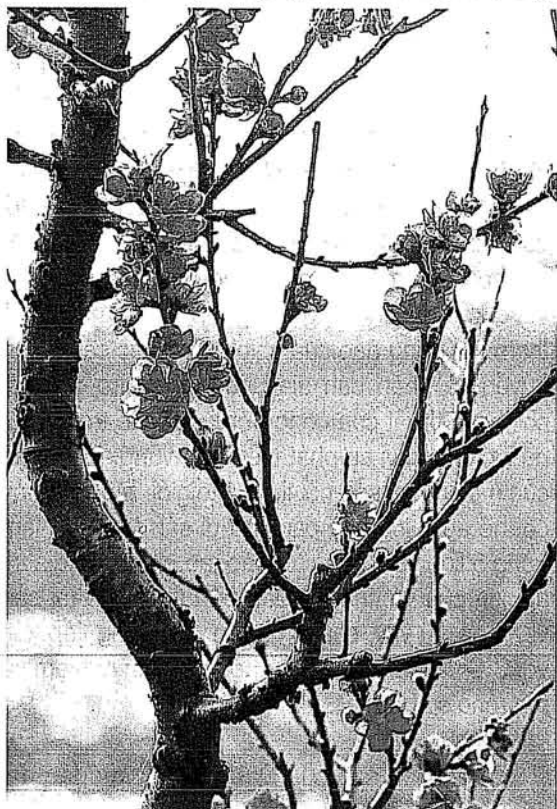
Minh niên khai bút bút khai hoa

Vạn sự giai thành phúc lộc đa...

(Đầu năm khai bút nở hoa

Phúc lộc đầy nhà mọi sự đều hay).

Huống chi đã là nhà thơ, thì Xuân và Tết bao giờ cũng là đề tài mà các thi sĩ Nho gia không mấy khi bỏ qua. Tuy nhiên, làm thơ Tết thơ Xuân mà lại nói đến phong tục thì không phải mọi nhà Nho thi sĩ đều quan tâm. Bởi thế, có thể nói, thơ phong tục là khá hiếm trong



dòng thơ Xuân của các nhà Nho.

Thử ngược dòng lịch sử, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan (1528 – 1613) có lẽ là người sớm nhất hay nói đến phong tục cổ của dân tộc trong chùm thơ Tết thơ Xuân. Như bài "Nguyên đán thư đường" (Tết Nguyên đán ở phòng đọc sách) chẳng hạn:

Tạc dạ Đông Phong nhập thảo lư

Tin truyền xuân đảo ngũ canh sơ

Đình nhân sinh thảo trí niên kỷ

Phù bất tu đào giác quý trừ...

(Nhà tranh đêm, gió Đông vào

Tin truyền xuân đến từ đầu canh năm

Biết xuân là cỏ trong sân

Bùa trừ tà quý chẳng cần đào thiêng).

Hoặc như bài "Nguyện nhật" (Ngày mông một tết), làm vào tết Bính Ngọ, lúc Trạng Bùng 19 tuổi:

Tự tòng nhất khí chuyển hồng quân

Thặng hỉ niên lai tiết hậu tân

Bách tửu khự hàn nghinh lệnh đán

Tiêu bàn hiến tụng lạc phương thần

....

Chước liễu đồ tô vô tá sự

Túc tương ngũ phúc chúc linh xuân

(Khí trời một chập đã xoay vần

Mùng bảy đông qua lại đến xuân

Rượu bách đầu năm trừ giá lạnh

Mâm tiêu dâng kính đón lương thần

Rót chén đồ tô đà rảnh việc

Lại đem ngũ phúc chúc cha thân).

Qua hai bài thơ Tết vừa dẫn, đã cho thấy nhiều phong tục cổ mà nay không còn:

- **Bùa đào**, chữ Hán là "Đào Phù", theo huyền thoại cổ, trên núi Độ Sóc ở Biển Đông có cây đào cổ thụ cực lớn, gốc của nó phình ra đến ba ngàn dặm, dưới gốc có hai vị thần là

Thần Đổ và Uất Lũy, thường hay ăn thịt các loài quỷ dữ. Bởi thế, theo tục cũ, cứ đến dịp Tết Nguyên đán hằng năm, người ta lại lấy mảnh ván gỗ đào, rồi vẽ hình hai vị thần đó lên, đem treo trước cửa nhà để trừ ma quỷ, gọi hai vị thần đó là "môn thần" (thần giữ cửa). Sau này, dân gian thường dán hai bên cánh cổng những bức tranh giấy, in hình ông tướng mặt đỏ râu dài, tay cầm thanh long đao, gọi chung là "Ông tướng canh cổng" chứ không nhất thiết là Thần Đổ, Uất Lũy.

Từ phong tục cổ, treo "bùa đào", về sau trong quá trình lịch sử, dân gian Việt đã chuyển hoá thành tục đem cành đào về cắm hoặc trồng trong chậu cảnh để chơi hoa trong mấy ngày tết.

- **Rượu bách**, bách là loài cây chịu rét, lá tươi lâu, do đó thời xưa có tục uống rượu ngâm lá bách vào ngày Nguyên đán để chúc nhau sống lâu trăm tuổi như cây tùng, cây bách.

- **Mâm Tiêu**, tiêu còn gọi cây tiêu liêu, tương tự như cây thù du, hoa và hạt có mùi thơm cay, đem ngâm rượu uống có thể trừ tà khí. Vì thế, theo phong tục cổ, cứ đến ngày mồng một Tết, con em trong gia đình lại đặt rượu tiêu vào mâm để dâng kính ông bà, cha mẹ và các bậc huynh trưởng trong nhà nhằm

chúc thọ, tục gọi đó là "mâm tiêu".

- **Rượu đổ tô**, "đổ tô" nguyên là tên gọi một loại lều cỏ; tương truyền xưa có người sống trong lều cỏ, vào dịp cuối năm đem ngâm túi thuốc gồm nhiều vị xuống giếng, đến sáng mồng một tết, lại múc nước giếng ấy pha rượu mời mọi người uống thì trừ được các loại dịch bệnh trong cả năm. Từ đây, cứ đến ngày mồng một Tết, dân gian lại có tục lấy rượu ngâm với các vị thuốc thơm cay để mời nhau uống, với ý trừ dịch bệnh và chúc sức khoẻ trong năm mới. Rượu ấy sau được gọi là rượu "Đổ Tô".

Trong nhiều bài thơ Tết khác, Trạng Bùng, Phùng Khắc Khoan đều có nhắc đến tục uống rượu Bách, rượu Đổ Tô và bùa Đào. Có bài ông còn nói đến tục dán tranh gà trên cửa: "Học tiến kim kê thiếp thượng môn" (Học cất tranh gà vàng để dán trên cửa). Gà vàng đây cũng là theo huyền tích, tương truyền trên cây đào cổ thụ ở núi Độ Sóc có con gà vàng, hễ mặt trời mọc là nó gáy vang, làm cho gà trống trong thiên hạ đều gáy om xòm, khiến ma quỷ khiếp sợ phải bỏ chạy hết. Bởi vậy, cứ vào dịp tết đến, người xưa lại có tục trở cật hoặc vẽ tranh gà dán lên cánh cửa để trừ tà mà, ôn dịch. Tục dán tranh gà nay vẫn còn trong dân gian:



Hòa vào vũ trụ - Ảnh: TTX VN

*Đì đệt ngoài sân tràng pháo chuột
 Om xòm trên vách bức tranh gà*
 (Tú Xương: Ngày Xuân ngẫu hứng).

Ngoài Trạng Bùng, thơ của Hoàng Sĩ Khải, đậu Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1544), làm quan triều Mạc, rồi triều Lê Trung Hưng, trong bài "Tứ thời khúc vịnh" làm bằng chữ Nôm, đoạn miêu tả mùa Xuân, cũng ghi lại được nhiều phong tục Tết:

*Phủ hoà một trận gió Đông
 Muôn tía nghìn hồng thức thức đua tươi
 Thiều quang đến lòng người hớn hở
 Thuở ba dương là cũ lập Xuân
 Đâu đâu chịu lệnh Đông quân
 Cửa giao lừng lẫy đón xuân rước về
 Khắp bốn bề non sông hoa cỏ
 Hết cùng lên cõi thọ đền Xuân
 Nhà nhà tống cựu nghinh tân
 Tú mi là thiếp, Nghi xuân là bùa
 Quát tháo khoa bao nhiêu khí lạnh
 Vọt thổ ngư ruộng đánh hơi âm
 Ngũ tân ngồn ngộn đầy mâm*

...
*Suốt năm canh đèn cay con mắt
 Trúc khoa Na đấng ngất lỗ tai
 Thiếp Lưu đều khéo lộng tài
 Thư dân đến quế tụng bài Hoa Tiêu*

...
*Chén nổi dâng nửa Tô nửa Bách
 Ruồng khí nơ khơi mạch trường sinh
 Chung quỳ khéo vẽ mạc hình
 Đào phù cấm quỷ, phòng linh ngăn tà
 Tranh vẽ gà cửa treo thiếp yếm
 Dưới thêm lầu hoa điểm Thọ Dương
 Da còn nhâm nhấp đào hương*

- **Cửa giao**, chỉ cửa ô ngoài thành. **Kinh lễ** có câu "Nghinh Xuân ở đông giao" (Đón Xuân ở ngoài thành phía Đông), nói về tục đón xuân ở ngoài thành phía Đông khi xưa. Theo thuyết ngũ hành, phương Đông thuộc Mộc, lại chủ về mùa Xuân và màu xanh, do đó mọi người kéo nhau ra ngoại thành, nơi có cây cỏ xanh tươi để đón khí xuân là hoàn toàn phù hợp với quy luật của tự nhiên.

- **Nghi xuân**, chữ Hán có nghĩa là "Thích hợp với mùa xuân", thời cổ có tục ngày tết viết hai chữ "Nghi Xuân" vào tờ giấy, tẩm thiếp, rồi đem dán lên cửa sổ để cầu phúc, đón Xuân như một thứ bùa thiêng.

- **Vọt thổ ngư**, tức là chiếc roi đánh vào con trâu đất; đây chính là tục "đả xuân ngư"

thời cổ của các cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Theo *Việt sử lược*, năm 1048, vua Lý Thái Tông hạ chiếu định phép "đả xuân ngư". Về tục này, sách *An Nam chí lược* còn ghi như sau: "Tiết lập Xuân, vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh vào con trâu bằng đất. Sau đó, các quan liêu đều cài hoa lên mũ, rồi vào cung dự yến tiệc". Tục này ở thời Lê vẫn còn thịnh hành. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú ghi chép khá cụ thể:

"Quan Phủ Doãn đứng đầu kinh thành và hai quan huyện Thọ Xương, Quảng Đức làm lễ xong thì cho dân rước trâu đất tới đền ở phường Hà Khẩu (tức đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm ngày nay), nơi thờ thần Long Đỗ, vị thành hoàng của Thăng Long. Hôm sau, quan Phủ Doãn đến lấy cành dâu đánh vào con trâu đất ấy, rồi đem vào sân điện nhà vua làm lễ Tiến Xuân Ngư, văn võ bá quan đều tới hầu lễ".

Tục truyền dân chúng đi trong đám rước Xuân Ngư thường hát câu ca: "Bao giờ mang hiện đến ngày/Cày bừa cho kỹ mạ này đem gieo..." Ngạn ngữ còn có câu: "Trâu trắng đi đầu mất mùa cấy" chính là nói năm nào trâu đất tiến lễ mà ứng vào màu trắng thì coi như điềm báo trước mùa màng sẽ kém. Còn giải thích theo các sách cổ, chẳng hạn như *Kinh lễ*, thì sở dĩ làm trâu đất là để tống khí lạnh; vì tháng cuối mùa đông là tháng Sửu, Sửu là trâu, mà trâu bằng đất thì ngăn được nước, cho nên làm con trâu bằng đất là để ngăn khí lạnh. Tuy nhiên, thực chất của lễ tục tiến trâu đất vào đầu xuân vẫn là nghi lễ nông nghiệp để cầu chúc cho mùa màng được phong thịnh trong năm mới.

- **Ngũ Tân**, chữ Hán có nghĩa là năm vị cay, thường gồm: Hành, tỏi, hẹ, rau răm, rau cải, tục cổ, cứ đến ngày mồng một tết, dân gian thường ăn năm vị cay vừa kể để trừ khí lạnh, mà cũng để đón mừng năm mới, (do chữ *Tân* là cay cũng đồng âm với chữ *Tân* là mới, chỉ *tân niên, tân xuân*).

- **Trúc khoa Na**, trúc chỉ "bộc trúc" chữ Hán có nghĩa là pháo trúc. Na là tên một loài quỳ chuyên gây bệnh dịch. Tục truyền Na rất sợ tiếng pháo trúc (xưa người ta nhồi thuốc nổ vào ống trúc để đốt), nên tục xưa đốt pháo trúc vào ngày Nguyên đán là để xua đuổi loài quỳ dữ này.

- **Thiếp lưu --- hoa tiêu**, chỉ việc vợ Lưu Trần đời Tấn nhân ngày Tết Nguyên đán viết

thiếp chúc thọ vua và dâng mâm rượu hoa tiêu cho vua uống để trừ bệnh tật trong năm mới. Ở đây mượn điển cũ để nói về tục uống rượu hoa tiêu nhân ngày mừng một tết.

- **Chén nổi**, chữ Hán là "phù bôi" có nghĩa là chén rượu đầy tràn, đây chỉ việc dâng mời rượu Đồ Tô và rượu Bách tròng ngày mừng một tết để trừ tà (ruồng khí như) và chúc thọ (khởi mạch trường sinh).

- **Chung Quỳ**, theo huyền tích, là tên một vị thần đời Đường, từng hiển linh bắt quỷ dữ để cứu Đường Minh Hoàng. Về sau cứ vào dịp Tết Nguyên đán, dân gian lại vẽ tranh Chung Quỳ để dán ở cửa, coi như "Môn thần", lâu dần thành phong tục ngày tết.

- **Đào phù**, tranh gà, đều là phong tục đã phổ biến trong dịp đón xuân, để cấm quỷ, ngăn tà.

- **Hoa điểm Thọ Dương**, tích cũ kể rằng khi công chúa Thọ Dương thời Tống ngự dưới thêm lầu thì có hoa mai rụng đầy trán... Đây mượn biểu tượng để chỉ hoa mai nở trong dịp Xuân sang Tết đến.

- **Đào hương**, theo tục xưa vào ngày tết mọi người thường tắm bằng nước hoa đào để trừ tà khí, và đón mừng năm mới với hương sắc của mùa xuân. Có thuyết còn nói tắm nước hoa đào làm nhuận da, đẹp mặt...

Sang thời Nguyễn, hiện tượng thơ nói về phong tục Tết cũng vẫn là của hiếm trong vườn thơ Xuân. Song, trong muôn một may chi cũng có được một bài khá thú vị. Đó là bài thơ Xuân của Trịnh Hoài Đức (1765-1828) làm khi ông có dịp đi công cán ở Cao Miên (Campuchia), với tiêu đề "Nguyên nhật khách Cao Miên quốc" (ngày mừng một Tết đang làm khách ở nước Cao Miên):

*Cao thử Tân Châu tài á tuế
Phẫu già Chân Lạp hốt nguyên triêu
Cổ viên cô phụ thu thiên hội
Khách địa thủy tương bách tửu yêu
Hồn đối ngư đang đào thổ nhị
Thanh liên nho phục thảo trừu điều
Hôi khan vật hoán tinh niên cải
Bất xả sơ tâm độc tịch triêu
(Đông chí Tân Châu vừa bánh tét
Đầu Xuân Chân Lạp lại kèn khua
Quê người rượu bách ai mời chén
Vườn cũ cây đu vắng dự trò
Đào thắm đỏ chen đèn đánh cá
Cỏ non xanh lẫn áo nhà Nho*

*Quay nhìn cảnh vật hằng năm đổi
Riêng nước trào kia vẫn nếp xưa)**

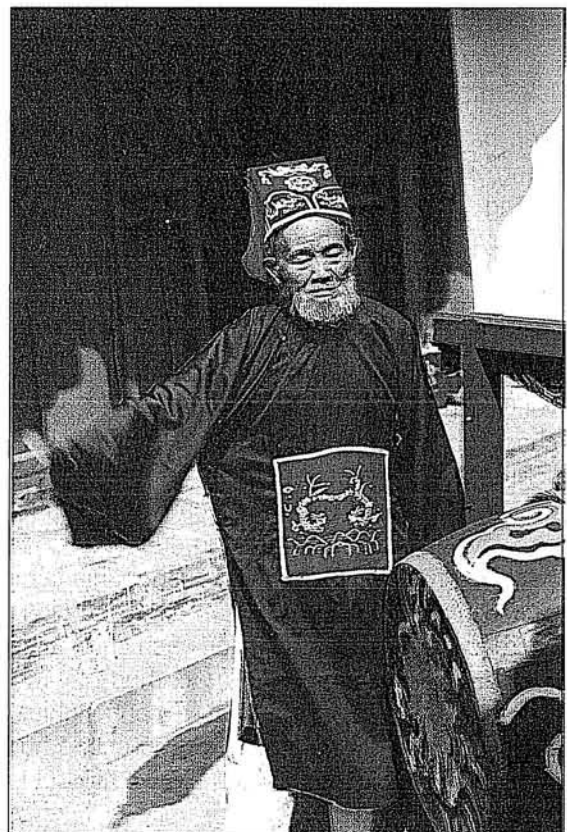
Bài thơ vừa tỏ lộ nỗi u hoài, cảm khái của người xa xứ, vừa nhớ đến những tập tục của quê hương trong dịp tết Nguyên đán như: ăn bánh tét, uống rượu Bách, dự hội đánh đu...

* *

Thơ viết về phong tục Tết tuy hiếm, chỉ chiếm một tỷ lệ rất khiêm tốn trong vườn thơ Xuân của dân tộc, nhưng nhìn chung, mảng thơ này đều là những bài thơ tả thực sống động, nhiều tâm trạng, nhiều cảm xúc thật của đời thường, nó không mang tính ước lệ tượng trưng như loại thơ Xuân chỉ toàn những hình ảnh mòn sáo: hoa cười, bướm lượn, oanh hót líu lo v.v... Và nhờ thế, những bài thơ phong tục thực sự đã góp phần ghi lại bản sắc văn hoá của người Việt, xứng đáng là một phần di sản văn hoá phi vật thể Hán Nôm, một kho tàng cực kỳ quý báu của dân tộc mà ngày nay chúng ta cần phải hết sức trân trọng và bảo tồn./

K.T.H

* Đào Phương Bình dịch thơ - Tàu Châu một thị trấn thuộc tỉnh Châu Đốc, giáp giới với Cao Miên



Tiếng trống gọi xuân - Ảnh: Phạm Lự